

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 6-2018

“V/v Ly hôn và tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Mai Thanh Chúc

2. Ông : Huỳnh Văn Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26 /QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 30/4, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Mai Văn T ủy quyền cho anh Mai Quốc H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm người đại diện để tham gia giải quyết phần chia tài sản giữa ông và bà H .Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018.Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Hồ Phương Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Mai Văn K, sinh năm 1969.Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Mai Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K , tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Mai Quốc H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C , tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Ngân hàng N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank là người đại diện. Ông Trịnh Ngọc K ủy quyền cho ông Huỳnh Đức N, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N, làm người đại diện. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, tính đến nay bà và ông T không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lý do bà không am hiểu pháp luật, khi Nhà nước phát động đăng ký kết hôn bà không hay biết. Bà và ông T chung sống với nhau đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về ứng xử giao tiếp, ông T đánh bà nhiều lần, ông luôn gây bạo hành gia đình, xảy ra liên tục, không thể nào sống được nên bà bỏ nhà đi và chấm dứt tình cảm vợ chồng từ năm 2007 đến nay. Bà xét thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung tên: Mai Ngọc L, sinh năm 1990 và Mai Quốc H, sinh năm 1993, các con đã thành niên, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung:

- Đối với 05 công đất giống ông T đã bán vào năm 2008 (bà đã bỏ nhà ra đi) để điều trị bệnh ông T và trả nợ Ngân hàng. Nay bà không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản này.

- Đối với diện tích 13.670m², tờ bản đồ số 12, thửa 982, tọa lạc ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà và ông T mua trước năm 1990, bà và ông T sử dụng diện tích 13.670m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 8 năm 2017 ông T đã chuyển nhượng diện tích 13.670m² cho anh Hồ Phương Đ giá 600.000.000 đồng, sau đó ông T mua đất hết 50.000.000 đồng, còn lại 550.000.000 đồng ông T đưa cho ông Mai Văn K (em ruột ông T) gửi tiết kiệm số tiền này tại Phòng giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng N.

Việc ông T chuyển nhượng đất cho anh Đ mặc dù bà không có tham gia nhưng bà vẫn thống nhất giao dịch này, bà không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông T và anh Đ. Đối với số tiền 550.000.000 đồng là tiền bán diện tích 13.670m² ông T mới có được, đây là tài sản chung giữa bà và ông T khi ly hôn bà yêu cầu ông T phải chia cho bà 150.000.000 đồng, số tiền còn lại bà giao cho ông T có toàn quyền sở hữu. Buộc ông K phải rút 150.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm để giao tiền cho bà.

Về số nợ phải thu, phải trả: Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn T: Vắng mặt, ông có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa anh Hồ Phương Đ: Vắng mặt anh có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa ông Mai Văn K: Vắng mặt ông có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Anh Mai Quốc H trình bày:

- Đối với số tiền 600.000.000 đồng do ông T (cha anh) bán đất cho ông Đ mới có được đây là tài sản của bà Hà và ông T anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án chia cho anh số tiền này.

- Việc ông T ủy quyền cho anh làm người đại diện để giải quyết chia tài sản giữa ông T và bà H. Anh H thừa nhận 600.000.000 đồng do ông T (cha anh) bán đất cho ông Đ mới có được đây là tài sản của bà H và ông T, nay bà H yêu cầu ông T chia 150.000.000 đồng anh yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị Mai Ngọc L Vắng mặt, chị có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Đức N, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N: Vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông T là vợ chồng vì không đăng ký kết hôn nên vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Về số nợ phải thu phải trả các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Buộc ông T chia 150.000.000 đồng cho bà H, số tiền này do ông K em ruột ông Tâm đứng tên gửi sổ tiết kiệm tại Phòng giao dịch M - Ngân hàng N và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh. Buộc chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; ông Mai Văn T, Mai Văn K, Hồ Phương Đ, Mai Thị L vắng mặt, nhưng các đương sự đều có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Mai Thị H khởi kiện ông T xin ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó, xác định đây là hôn nhân không hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn bà H cho rằng do bất đồng quan điểm nhau trong đời sống vợ chồng về mặt tình cảm và cách ứng xử giao tiếp, bạo lực gia đình nên không thể nào sống được là phù hợp với lời khai ngày 05/01/2018 ông Tâm, ông T và bà H không còn chung sống với nhau từ năm 2007, quá trình giải quyết vụ án bà H và ông T đều có yêu cầu xin được ly hôn.

Xét thấy khi xác lập quan hệ hôn nhân năm 1988 bà H và ông T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội khóa X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Mai Thị H xin được ly hôn với ông Mai Văn T là không thể chấp nhận được. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà H và ông T là vợ chồng là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nuôi con: Xét thấy các con của bà H và ông T tên là Mai Ngọc L, sinh năm 1990 và Mai Quốc H, sinh năm 1993 đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản của bà H và ông T:

Bà H khai diện tích 13.670m², tờ bản đồ số 12, thửa 982, tọa lạc ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà H và ông T mua năm 1992, là phù hợp với bản khai của ông T ngày 05/01/2018 đều xác định diện tích 13.670m² là do ông bà bỏ tiền ra mua lúc bà H và ông T đang chung sống với nhau. Do đó diện tích 13.670m² có được trong thời kỳ ông bà H chung sống với nhau nên xác định diện tích 13.670m² là tài sản chung của bà H và ông T.

Năm 2017 ông T đã chuyển nhượng diện tích 13.670m² cho anh Hồ Phương Đ giá 600.000.000 đồng, sau đó ông T mua đất hết 50.000.000 đồng, còn lại 550.000.000 đồng ông T đưa cho ông Mai Văn K (em ruột ông T) gọi tiết kiệm số tiền này tại Phòng giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng N và phát triển nông thôn huyện C. Mặc dù bà H không có tham gia giao dịch việc mua bán đất nhưng bà vẫn thống nhất giao dịch này, không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông T và anh Đ.

Tại phiên tòa, ông Mai Văn K vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông Mai Văn K thừa nhận số tiền 550.000.000 đồng là tài sản của ông T đưa cho ông (K) gửi tại Phòng giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng N và phát triển nông thôn huyện C, ông K xác định 550.000.000 đồng không phải là tài sản của ông mà ông chỉ đứng tên sổ tiết kiệm dùm cho ông T, việc bà H yêu cầu chia 150.000.000 đồng thì do ông T quyết định, ông không có tranh chấp, không yêu cầu gì cả.

Tại phiên tòa bà H xác định 550.000.000 đồng là số tiền bán diện tích 13.670m² đất cho anh Đông nên ông T mới có được số tiền này, đây là tài sản chung giữa bà H và ông T, nay bà H yêu cầu ông T chia cho bà 150.000.000 đồng nằm trong số tiền 550.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H, buộc ông T phải chia cho bà H 150.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm do ông T nhờ ông K đứng tên gửi vào ngân hàng.

[6] Về số nợ phải thu phải trả: Các đương sự không khởi kiện, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Mai Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu 5% trên số tiền mà bà được chia là 150.000.000 đồng. Bà H phải nộp 7.500.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, các Điều 228, 235, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14, 16, 51, 53, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X ngày 09-6-2000.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Mai Thị H với ông Mai Văn T là vợ chồng.

-Về chia tài sản chung: Chấp nhận đơn của bà Mai Thị H khởi kiện ông Mai Văn T về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

Bà Mai Thị H được chia số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Mai Văn T và ông Mai Văn K có nghĩa vụ rút số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000 đồng nằm trong số tiền gửi tiết kiệm 550.000.000 đồng, gửi ngày

04/7/2017, ký hiệu sổ tiết kiệm có kỳ hạn 00003654860 do ông Mai Văn K đứng tên sổ tiết kiệm gửi tại Phòng giao dịch M - Ngân hàng N và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh để giao cho bà Mai Thị H nhận 150.000.000 đồng, số tiền mà bà H được chia từ tài sản chung khi ly hôn.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Mai Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010828 ngày 14/11/2017 do bà Mai Thị H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Mai Thị H nộp đủ án phí.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Mai Thị H có nghĩa vụ nộp 7.500.000 đồng nhưng được trừ vào 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010829 ngày 14/11/2017 do bà Mai Thị H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Buộc bà Mai Thị H phải nộp tiếp 3.750.000 đồng án phí.

-Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKS huyện C ;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Bá Thi